

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn TP Đà Nẵng thuộc địa phận xã Hòa Vang (đợt 8-10-12)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HÒA VANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ về việc quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của UBND thành phố Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và các văn bản quy định có liên quan của UBND thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 35/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của UBND thành phố Đà Nẵng v/v Ban hành giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 91/2026/QĐ-UBND ngày 22 tháng 06 năm 2026 của UBND TP Đà Nẵng quy định về phân cấp một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 4409/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND huyện Hòa Vang (cũ) về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất tính tiền bồi thường hỗ trợ về đất dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 17 tháng 07 năm 2025 của UBND xã Hòa Vang về việc thành lập hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (đoạn qua địa bàn xã Hòa Vang);

Thực hiện Biên bản họp ngày 07/07/2026 và ngày 20/08/2026 về việc xác định tính pháp lý về đất và tài sản gắn liền trên đất đối với các hộ thuộc diện giải tỏa dự án: Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thuộc địa phận xã Hòa Vang;

Theo đề nghị của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng – Chi nhánh khu vực IV tại Tờ trình số 351/TTr-CNKV4 ngày 20/08/2026 (đợt 8); Tờ trình số 374/TTr-CNKV4 ngày 04/09/2026 và Tờ trình số 400/TTr-CNKV4 ngày 18/09/2026;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế xã Hòa Vang tại Tờ trình số 1504/TTr-KT ngày 25/09/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thuộc địa phận xã Hòa Vang (đợt 8-10-12), bao gồm:

1. Giá trị phê duyệt: 3.511.407.690 đồng

(Bằng chữ: Ba tỷ, năm trăm mười một triệu, bốn trăm lẻ bảy ngàn, sáu trăm chín mươi đồng y)

Trong đó:

- Giá trị bồi thường về đất: 455.203.290 đồng;

- Giá trị bồi thường cây cối, hoa màu: 33.394.400 đồng;
- Hỗ trợ khác: 3.022.810.000 đồng.
- Chi phí phục vụ giải tỏa: Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng – Chi nhánh Khu vực 4 lập dự toán chi phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo khối lượng công việc thực tế.

2. Nguồn kinh phí chi trả: Vốn chi trả từ dự án.

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên liên quan:

1. UBND xã Hòa Vang

Phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng - Chi nhánh Khu vực 4 phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng - Chi nhánh Khu vực 4 trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định này:

- Niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại trụ sở UBND xã Hòa Vang và địa điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi.

- Thông báo nhận tiền (kèm theo Bảng tính giá trị bồi thường) cho hộ có tên tại danh sách kèm theo Quyết định này và tổ chức thực hiện chi trả theo quy định. Sau khi hoàn thành công tác chi trả, đơn vị phải lập thủ tục báo cáo quyết toán theo quy định hiện hành.

- Gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong đó ghi rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có), thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có) và thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt.

- Lập dự toán chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ,

tái định cư theo khối lượng công việc thực tế và quyết toán theo quy định hiện hành.

- Theo dõi, kiểm tra các kết quả phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết của các hồ sơ, đảm bảo không trình phê duyệt trùng lặp.

3. Người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có): Nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng - Chi nhánh Khu vực 4 quản lý để thực hiện dự án.

4. Văn phòng HĐND và UBND xã Hoà Vang đăng tải Quyết định này trên cổng thông tin điện tử xã Hòa Vang.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã Hoà Vang; Trưởng phòng Kinh tế; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng - Chi nhánh Khu vực 4; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp thành phố Đà Nẵng; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và trường hợp giải toả có tên trong danh sách kèm theo căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND xã;
- BND thôn Khương Mỹ (đ/b);
- Lưu: VT, KT (Tân).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Thị Thúy Hương

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

Dự án: Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng khu vực xã Hòa Vang (đợt 8-10-12)

(Kèm theo Quyết định số: 1324/QĐ-UBND ngày 25 tháng 09 năm 2026)

Đơn vị: Đồng

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Số HS	Đất	cây cối hoa màu	Hỗ trợ khác	Tổng
1	Hộ: Nguyễn Văn Diệu (c) - Người thừa kế hợp pháp theo quy định pháp luật - Người sản xuất: bà Phan Thị Thúy Hồng (vợ)	Xã Hòa Vang	40 PS3Hpu	16.999.080		115.640.000	132.639.080
2	Hộ: Doãn Phong	Xã Hòa Vang	45 Hpu	31.909.290		217.070.000	248.979.290
3	Biện Thị Hiền	Xã Hòa Vang	49 Hpu	17.287.200			17.287.200
4	Lê Thị Hàng (chết) + Phan Thị Diễm (Bồi thường cho người thừa kế hợp pháp của Bà Hàng (chết) và bà Diễm)	Xã Hòa Vang	53	1.687.560			1.687.560
5	Lê Thị Thanh (chết) - ông Nguyễn Hữu Phước (đại diện)	Xã Hòa Vang	59	54.320.910		369.530.000	423.850.910
6	Trần Ngọc Bình	Xã Hòa Vang	59 PS1	39.153.450		266.350.000	305.503.450
7	Hộ: Hồ Công Long	Xã Hòa Vang	59 PS2	10.053.330		68.390.000	78.443.330

8	UBND xã quản lý - Nguyễn Thanh Đức (Sản Xuất)	Xã Hòa Vang	71	13.407.870	1.615.720	91.210.000	106.233.590
9	UBND xã quản lý - Trịnh Thị Bé (Sản Xuất)	Xã Hòa Vang	79	16.402.260		111.580.000	127.982.260
10	Phan Lào (Sản Xuất)	Xã Hòa Vang	48 HPu	6.637.050		45.150.000	51.787.050
11	Hộ: Nguyễn Thị Châu	Xã Hòa Vang	53 PS1 Hpu	99.730.680	7.525.000	678.440.000	785.695.680
12	Hộ: Nguyễn Văn Đường	Xã Hòa Vang	54 HPu	61.791.450	1.700.000	420.350.000	483.841.450
13	UBND xã quản lý - Nguyễn Thọ (Sản Xuất)	Xã Hòa Vang	69 HPu	26.280.660	3.920.400	178.780.000	208.981.060
14	UBND xã quản lý - Trần Mậu (Sản Xuất)	Xã Hòa Vang	77 HPu	18.328.550	3.425.700	143.850.000	165.604.250
15	UBND xã quản lý - Phan Thị Thái (Sản Xuất)	Xã Hòa Vang	81HPu	29.967.840	8.148.900	235.200.000	273.316.740
16	UBND xã quản lý - Phạm Tiêm (Sản Xuất)	Xã Hòa Vang	82 Hpu	11.246.110	7.058.680	81.270.000	99.574.790
Tổng				455.203.290	33.394.400	3.022.810.000	3.511.407.690
Bảng số: Ba tỷ, năm trăm mười một triệu, bốn trăm lẻ bảy ngàn, sáu trăm chín mươi đồng y							

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng xã Hòa Vang
(xã Hòa Phú cũ) (đợt 8-10-12)

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 25/09/2026 của UBND xã Hòa Vang)

I/ PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI DỰ ÁN KÈ CHỐNG SẠT LỞ KHẨN CẤP TẠI VỊ TRÍ XUNG YẾU CÁC TUYẾN SÔNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- 1) Tổng diện tích đất thu hồi: Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch: 289.600 m².
- 2) Tổng số người có đất thu hồi: Sơ bộ khoảng 145 hộ gia đình, cá nhân.
- 3) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Thực hiện theo Điều 17 và Điều 24 Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của UBND thành phố.
- 4) Phương án bố trí tái định cư: Các hồ sơ phê duyệt tại Quyết định này là đất nông nghiệp, không bố trí tái định cư.
- 5) Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: không có.
- 6) Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi (nếu có): Không có.
- 7) Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bao gồm: tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí khác: Thực hiện theo Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của UBND thành phố.
- 8) Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Theo Kế hoạch số 286/KH-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của UBND huyện Hòa Vang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
- 9) Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản: Nêu tại khoản 2, Điều 1 Quyết định này.
- 10) Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có).

II. CÁC NỘI DUNG CHI TIẾT

STT	Họ và tên	Số HS	DTSD (m ²)	DTTH (m ²)	DTCL (m ²)	Giấy tờ nguồn gốc sử dụng đất	Loại hạng đất và mức bồi thường thiệt hại	Tổng số tiền bồi thường (đồng)	Nội dung phê duyệt bố trí đất TĐC theo phương án GTĐB
1.	Biện Thị Hiền CCCD: 042183011655 Thôn Hòa Phước, xã Hòa Vang Thường trú: Hòa An, Cẩm Lệ ĐT: 0974.903.277	049 Hpu	1424,3 27/25	168,0 = 111,1 + HTKT 56,9	1.256,3	Bà Nguyễn Thị Thúy được Sở TN&MT TPĐN cấp GCN QSDĐ -QSHN ở và TSK GLVĐ số CTs 197019 ngày 21/11/2019 tại thửa 27, tờ BĐ 25, DT 1421,0m² (Đất ở 600,0m²; đất TCHN khác: 821,0m²). Chuyển nhượng cho bà Biện Thị Hiền được Chi nhánh VP ĐKĐĐ tại huyện Hòa vang xác nhận ngày 06/5/2020 - Bản xác nhận nguồn gốc nhà, đất được UBND xã Hòa Vang xác nhận ngày 15/6/2026, nội dung: Đất được cấp GCN QSDĐ -QSHN ở và TSK GLVĐ số CT 421393 cho bà Biện Thị Hiền tại thửa 27, tờ BĐ 25, DT 1421,0m² (Đất ở 600,0m²; đất TCHN khác: 821,0m²) do Sở TN&MT TPĐN cấp ngày 21/11/2019. Trên đất không có nhà cửa; vật kiến trúc. - Đối chiếu BĐ 64/CP: thửa 433, tờ BĐ 08, DT 1.894,0m² đất Thổ cư do Phan Qua kê khai. Hiện trạng: Đất trống DT 168,0m² *Theo Biên bản làm việc ngày 19/6/2026 có nội dung: diện tích thu hồi 168,0m² chủ hộ thống nhất thu hồi toàn bộ đất cây hàng năm; không thu hồi đất ở	Đường đất rộng từ 3,5m đến dưới 5m. Đơn giá: 2.870.000 đ/m² x hệ số đường đất 0,8. Thành tiền: 2.296.000 đ/m² ----- ----- - Bồi thường 100% giá đất cây hàng năm (đơn giá 102.900 đồng/m²) DT (trong GCN QSDĐ): 168,0 m².	17.287.200	Không

2.	Hộ: Nguyễn Văn Diệu được UBND huyện Hòa Vang cấp GCN QSDĐ số 516 ngày 08/7/1996 tại thửa 145, tờ BĐ 8, DT 1.000,0m ² đất màu. - Bản xác nhận nguồn gốc nhà, đất được UBND xã Hòa Vang xác nhận ngày tháng 6/2026, nội dung: Đối chiếu BĐ 64/CP thuộc thửa 145, tờ BĐ 8 loại đất màu theo GCN QSDĐ số H 694483 do UBND huyện Hòa Vang (cũ) cấp ngày 8/7/1996 cho ông Nguyễn Văn Diệu (chết) - bà Phan Thị Thúy Hồng (vợ). Bà Phan Thị Thúy Hồng là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có Hộ khẩu tại địa phương và có nguồn thu nhập ổn định từ việc sản xuất nông nghiệp trên đất đó. Bà Phan Thị Thúy Hồng không thuộc các trường hợp nêu tại điểm a,b,c,d Khoản 1, Điều 22 NĐ 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024. Tại thời điểm kiểm đếm là đất trống do mới thu hoạch xong; mùa vụ trước trồng cây đậu phụng. - Đối chiếu BĐ 64/CP: thửa 145, tờ BĐ 8, loại đất màu DT 1.000,0m² do bà Nguyễn Văn Diệu kê khai Hiện trạng: Đất trống DT 165,2m ² - Hội đồng xác định DTTH 165,2m² trong GCN QSDĐ BBPL ngày 11/6/2026: - Bồi thường 100% giá đất cây hằng năm (đơn giá 102.900 đồng/m ²) DT (trong GCN QSDĐ): 165,2m² - Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành	40 Hpu PS3	271,2 703/24	165,2 = 160,5 + HTKT 4,7	106,0	Biên bản hợp pháp lý ngày 11/6/2026 sau khi Nghị Quyết số 28/NQ-HĐND của HĐND thành phố ngày 29/5/2026 đã có hiệu lực nên điều chỉnh lại theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND. Hủy kết quả đã hợp xét tại Biên bản hợp ngày 11/6/2026. Nay hợp xét mới lại như sau: - Bồi thường 100% giá đất cây hằng năm (đơn giá 102.900 đồng/m ²) DT (trong GCN QSDĐ): 165,2m² - Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 16 tại QĐ số 86/2025/QĐ-UBND) theo giá đất 140.000đ/m ² cho DT: 165,2 m². - Không bồi thường cây cối hoa màu (do hiện trạng đất trống)	132.639.080	
----	--	------------------	-----------------	--	-------	--	-------------	--

						nghe (áp dụng theo khoản 1 điều 16 tại QĐ số 86/2025/QĐ-UBND) theo giá đất 78.000đ/m² cho DT: 165,2 m². - Không bồi thường cây cối hoa màu (do hiện trạng đất trống)			
3.	Hộ: Doãn Phong CCCD: 048041001917 Thôn Hội Phước, xã Hòa Vang	45 HPu	510,9 11/25	310,1 = 256,2 + HTKT 53,9	200,8	Hộ: Doãn Phong được UBND huyện Hòa Vang cấp GCN QSDĐ số 696 ngày 08/7/1996 tại thửa 214, tờ BĐ 8, DT 638,0m² đất màu. - Bản xác nhận nguồn gốc nhà, đất được UBND xã Hòa Vang xác nhận ngày tháng 6/2026, nội dung: Đối chiếu BĐ 64/CP thuộc thửa 214, tờ BĐ 8 loại đất màu của hộ ông Doãn Phong theo GCN QSDĐ số H 694541 do UBND huyện Hòa Vang (cũ) cấp ngày 8/7/1996. ông Doãn Phong là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có Hộ khẩu tại địa phương, có nguồn thu nhập ổn định từ việc sản xuất nông nghiệp trên đất đó. Ông Doãn Phong không thuộc các đối tượng nêu tại điểm a,b,c,d Khoản 1, Điều 22 NĐ 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024. Tại thời điểm kiểm đếm là đất trống do mới thu hoạch xong; mùa vụ trước trồng cây đậu phụng. - Đối chiếu BĐ 64/CP: thửa 214, tờ BĐ 8, loại đất màu DT 638,0m² ông Doãn Phong kê khai Hiện trạng: Đất trống DT 310,1m² - Hội đồng xác định DTTH 310,1m² trong GCN QSDĐ	Biên bản hợp pháp lý ngày 11/6/2026 sau khi Nghị Quyết số 28/NQ-HĐND của HĐND thành phố ngày 29/5/2026 đã có hiệu lực nên điều chỉnh lại theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND. Hủy kết quả đã hợp xét tại Biên bản hợp ngày 11/6/2026. Nay hợp xét mới lại như sau: - Bồi thường 100% giá đất cây hằng năm (đơn giá 102.900 đồng/m²) DT (trong GCN QSDĐ): 310,1m² - Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 16 tại QĐ số 86/2025/QĐ-UBND) theo giá đất	248.979.290	Không

						BBPL ngày 11/6/2026: - Bồi thường 100% giá đất cây hằng năm (đơn giá 102.900 đồng/m ²) DT (trong GCN QSDĐ): 310,1m² - Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 16 tại QĐ số 86/2025/QĐ-UBND) theo giá đất 78.000đ/m ² cho DT: 310,1 m² . - Không bồi thường cây cối hoa màu (hiện trạng đất trống)	140.000đ/m ² cho DT: 310,1 m² . - Không bồi thường cây cối hoa màu (do hiện trạng đất trống)		
4.	Bà Lê Thị Hàng (chết) – bà Phan Thị Diễm - Thôn Hòa Phước cũ, nay là thôn Khương Mỹ, xã Hòa Vang	53	677,4 1501/121	16,4	661	- Bản xác nhận nguồn gốc nhà, đất được UBND xã Hòa Vang xác nhận với nội dung: Đất thuộc thửa 42, tờ 9, diện tích 632m ² , loại đất màu đã được UBND huyện Hòa Vang cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Phan Qua, thừa kế cho bà Lê Thị Hàng (sinh năm 1928) và bà Phan Thị Diễm (sinh năm 2006) từ ngày 17/01/2019. Nay bà Lê Thị Hàng đã chết); -Ông Doãn Cầu là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất đó, ông Doãn Cầu có hộ khẩu tại địa phương; -ông Doãn Cầu không thuộc các đối tượng nêu tại điểm a,b,c,d Khoản 1, Điều 22 NĐ 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024. -Thời điểm sử dụng đất sau 15/10/1993 đến trước 01/7/2004. -Tại thời điểm kiểm đếm là đất trống do đã thu hoạch xong, vụ mùa	Bồi thường cho người thừa kế hợp pháp của bà Hàng (chết) và bà Diễm: - Bồi thường 100% giá đất cây hằng năm (đơn giá 102.900 đồng/m ²) DT: 16,4m² . - Không bồi thường cây cối hoa màu, theo Quyết định 81/2026/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 (do đất trống);	1.687.560 đồng	Không

						trước trồng cây đậu phụng; -Hội đồng xác định DTTH 16,4m ² thuộc thửa 42, tờ 9, diện tích 632m ² , loại đất màu;			
5.	Cá nhân: Bà Lê Thị Thanh (chết) – ông Nguyễn Hữu Phước (đại diện) Thôn Hòa Phước cũ, nay là thôn Khương Mỹ, xã Hòa Vang	59	710,8 1505/121	527,9	182,9	- Bản xác nhận nguồn gốc nhà, đất được UBND xã Hòa Vang xác nhận với nội dung: Đất thuộc thửa 6, tờ 9, loại đất màu, tổng diện tích 5040m², có nhiều hộ sử dụng. Hộ bà Lê Thị Thanh thuộc một trong các hộ sử dụng tại thửa 6, tờ 9 theo sổ mục kê 64/CP; đã được UBND huyện Hòa Vang cũ cấp GCNQSDĐ số H 694558 ngày 8/7/1996, thửa 6, tờ 9, diện tích 918m², loại đất màu. Hiện nay bà Lê Thị Thanh đã chết, ông Nguyễn Hữu Phước đại diện sản xuất; - Ông Nguyễn Hữu Phước là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có Hộ khẩu tại địa phương, có nguồn thu nhập ổn định từ việc sản xuất nông nghiệp trên đất đó. - Ông Nguyễn Hữu Phước không thuộc các đối tượng nêu tại điểm a,b,c,d Khoản 1, Điều 22 NĐ 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024. -Tại thời điểm kiểm đếm là đất trống do mới thu hoạch xong; mùa vụ trước trồng cây đậu phụng; - Ông Nguyễn Hữu Phước là một trong những đồng thừa kế của bà Lê Thị Thanh (đã chết). -Hội đồng xác định DTTH 527,9m² thuộc thửa 6, tờ 9, loại đất màu	- Bồi thường 100% giá đất cây hằng năm (đơn giá 102.900 đồng/m²) DT: 527,9m². - Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 16 tại QĐ số 86/2025/QĐ-UBND) theo giá đất 140.000đ/m² cho DT: 527,9m². - Không bồi thường cây cối hoa màu, theo Quyết định 81/2026/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 (do đất trống)	423.850.910 đồng	Không

6.	Ông Trần Ngọc Bình - Thôn Hòa Phước cũ, nay là thôn Khương Mỹ, xã Hòa Vang	59ps1	743,4	380,5	362,9	- Bản xác nhận nguồn gốc nhà, đất được UBND xã Hòa Vang xác nhận với nội dung: Đất thuộc thửa 6, tờ 9, loại đất màu, tổng diện tích 5040m², có nhiều hộ sử dụng. Hộ bà Mạc Thị Khảm thuộc một trong các hộ sử dụng tại thửa 6, tờ 9 theo sổ mục kê 64/CP; đã được UBND huyện Hòa Vang cũ cấp GCNQSDD số H 694587 ngày 8/7/1996, thửa 6, tờ 9, diện tích 968m², loại đất màu. Ngày 5/7/2016 đã thừa kế cho ông Trần Ngọc Bình; - Ông Trần Ngọc Bình là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có Hộ khẩu tại địa phương, có nguồn thu nhập ổn định từ việc sản xuất nông nghiệp trên đất đỏ. - Ông Trần Ngọc Bình không thuộc các đối tượng nêu tại điểm a,b,c,d Khoản 1, Điều 22 NĐ 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024. -Tại thời điểm kiểm đếm là đất trống do mới thu hoạch xong; mùa vụ trước trồng cây đậu phụng. -Hội đồng xác định DTTH 380,5m² thuộc thửa 6, tờ 9, loại đất màu	- Bồi thường 100% giá đất cây hằng năm (đơn giá 102.900 đồng/m²) DT: 380,5m². - Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 16 tại QĐ số 86/2025/QĐ-UBND) theo giá đất 140.000đ/m² cho DT: 380,5m². - Không bồi thường cây cối hoa màu, theo Quyết định 81/2026/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 (do đất trống)	305.503.450 đồng	Không
7.	Hộ ông Hồ Công Long Thôn Hòa Phước cũ, nay là thôn Khương Mỹ, xã Hòa Vang	59PS2	434,4 1507/121	97,7	336,7	- Bản xác nhận nguồn gốc nhà, đất được UBND xã Hòa Vang xác nhận với nội dung: Đất thuộc thửa 6, tờ 9, loại đất màu, tổng diện tích 5040m², có nhiều hộ sử dụng. Hộ ông Hồ Công Long thuộc một trong các hộ sử dụng tại thửa 6, tờ 9 theo sổ mục kê 64/CP; đã được UBND huyện Hòa Vang cũ cấp GCNQSDD số H	- Bồi thường 100% giá đất cây hằng năm (đơn giá 102.900 đồng/m²) DT: 97,7m². - Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 16 tại	78.443.330 đồng	Không

						694837 ngày 8/7/1996, thửa 6, tờ 9, diện tích 586m², loại đất màu; - Ông Hồ Công Long là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có Hộ khẩu tại địa phương, có nguồn thu nhập ổn định từ việc sản xuất nông nghiệp trên đất đó. - Ông Hồ Công Long không thuộc các đối tượng nêu tại điểm a,b,c,d Khoản 1, Điều 22 NĐ 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024. - Tại thời điểm kiểm đếm là đất trống do mới thu hoạch xong; mùa vụ trước trồng cây đậu phụng - Hội đồng xác định DTTH 97,7m² thuộc thửa 6, tờ 9, loại đất màu	QĐ số 86/2025/QĐ-UBND) theo giá đất 140.000đ/m² cho DT: 97,7m². - Không bồi thường cây cối hoa màu, theo Quyết định 81/2026/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 (do đất trống)		
8.	UBND xã Người sản xuất: Ông Nguyễn Thanh Đức; Thôn Hòa Phước cũ, nay là thôn Khương Mỹ, xã Hòa Vang	71	351,2 3/121	130,3	220,9	- Bản xác nhận nguồn gốc nhà, đất được UBND xã Hòa Vang xác nhận với nội dung: đất thuộc thửa 16, tờ 9, loại đất hoang bằng do UBND xã quản lý (không thuộc đất công ích) - Thời điểm sử dụng đất sau 15/10/1993 đến trước 01/7/2004. - Ông Nguyễn Thanh Đức là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có Hộ khẩu tại địa phương, có nguồn thu nhập ổn định từ việc sản xuất nông nghiệp trên đất đó. - Ông Nguyễn Thanh Đức không thuộc các đối tượng nêu tại điểm a,b,c,d Khoản 1, Điều 22 NĐ 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024. Hiện trạng: Cỏ voi DT 130,3m² - Hội đồng xác định DTTH 130,3m² thuộc thửa 16, tờ 9, loại đất hoang	- Bồi thường 100% giá đất cây hằng năm (đơn giá 102.900 đồng/m²) DT: 130,3m². - Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 16 tại QĐ số 86/2025/QĐ-UBND) theo giá đất 140.000đ/m² cho DT: 130,3m². - Bồi thường 100% cây cối hoa màu, theo Quyết định 81/2026/QĐ-UBND ngày 09/6/2026	106.233.590 đồng	Không

						bằng do UBND xã quản lý (không thuộc đất công ích)			
9.	UBND xã Người sản xuất: Bà Trịnh Thị Bé- Thôn Hòa Phước cũ, nay là thôn Khương Mỹ, xã Hòa Vang	79	656,2 77/122	159,4	496,8	- Bản xác nhận nguồn gốc nhà, đất được UBND xã Hòa Vang xác nhận với nội dung: Đất thuộc thửa 16, tờ 9, loại đất hoang bằng do UBND xã quản lý, không thuộc đất công ích; - Bà Trịnh Thị Bé là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có Hộ khẩu tại địa phương, có nguồn thu nhập ổn định từ việc sản xuất nông nghiệp trên đất đó. - Bà Trịnh Thị Bé không thuộc các đối tượng nêu tại điểm a,b,c,d Khoản 1, Điều 22 NĐ 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024. -Thời điểm sử dụng đất sau 15/10/1993 đến trước 01/7/2004. -Tại thời điểm kiểm đếm là đất trống do đã thu hoạch xong, vụ mùa trước trồng cây đậu phụng (còn xác lá); -Hội đồng xác định DTTH 159,4m² thuộc thửa 16, tờ 9, loại đất hoang bằng do UBND xã quản lý, không thuộc đất công ích.	- Bồi thường 100% giá đất cây hằng năm (đơn giá 102.900 đồng/m²) DT: 159,4m². - Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 16 tại QĐ số 86/2025/QĐ-UBND) theo giá đất 140.000đ/m² cho DT: 159,4m². - Không bồi thường cây cối hoa màu, theo Quyết định 81/2026/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 (do đất trống)	127.982.260 đồng	Không
10.	Hộ: Nguyễn Thị Châu CCCD: 048155003568 Xã Hòa Vang	53 PS1 Hpu	1.961,9 1502/25	969,2 = 890,1 + HTKT	992,7	- Hộ: Nguyễn Thị Châu được UBND huyện Hòa Vang cấp GCN QSDĐ số H 694810 ngày 8/7/1996 tại thửa 03, tờ BĐ 09, loại ĐM, DT: 2064,0m² - Bản xác nhận nguồn gốc nhà, đất được UBND xã Hòa Vang xác nhận ngày 4/7/2026, nội dung: Đối chiếu BĐ 64/CP phần DTTH thuộc thửa 03,	- Bồi thường 100% giá đất cây hằng năm (đơn giá 102.900 đồng/m²) DT (trong GCN QSDĐ): 969,2m² - Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành	785.695.680	Không

				79,1		tờ BĐ 09, loại ĐM, DT 4128,0m² đã được cấp GCN QSDĐ số H 694810 ngày 8/7/1996 cho bà Nguyễn Thị Châu. Hộ bà: Nguyễn Thị Châu có Hộ khẩu tại địa phương; trực tiếp sản xuất nông nghiệp; có nguồn thu nhập ổn định từ việc sản xuất nông nghiệp trên đất đó. Tại thời điểm kiểm đếm có 01 phần trồng mè + bắp và 01 phần đất trống do đã thu hoạch xong, vụ mùa trước trồng cây bắp. Bà Nguyễn Thị Châu không thuộc các đối tượng nêu tại điểm a,b,c,d Khoản 1, Điều 22 NĐ 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024. - Đối chiếu BĐ 64/CP: Thừa 3/3, tờ BĐ 09, DT 2.064,0m² loại ĐM do Nguyễn Thị Châu kê khai Hiện trạng: Mè DT 250,0m²; bắp: 400,0m² + Đất trống DT 319,2m² Hội đồng xác định DTTH 969,2m² nằm trong GCN QSDĐ	nghe (áp dụng theo khoản 1 điều 16 tại QĐ số 86/2025/QĐ-UBND) theo giá đất 140.000đ/m² cho DT: 969,2 m². - Bồi thường cây cối hoa màu theo Quyết định số 81/2026/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của UBND TP Đà Nẵng		
11.	Hộ: Nguyễn Văn Đường CCCD: 048155003568 Xã Hòa Vang	54 HPu	1.909,5	600,5 = 531,4 + HTKT 69,1	1.309	Hộ: Nguyễn Văn Đường được UBND huyện Hòa Vang cấp GCN QSDĐ số H 694594 tại thửa 03, tờ BĐ 09, loại ĐM, DT: 2.064,0m² - Bản xác nhận nguồn gốc nhà, đất được UBND xã Hòa Vang xác nhận ngày 4/7/2026, nội dung: Đối chiếu BĐ 64/CP phần DTTH thuộc thửa 03, tờ BĐ 09, loại ĐM, DT 2064,0m² đã được cấp GCN QSDĐ số H 694594	- Bồi thường 100% giá đất cây hằng năm (đơn giá 102.900 đồng/m²) DT (trong GCN QSDĐ): 600,5m² - Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 16 tại	483.841.450	Không

						ngày 8/7/1996 cho hộ: Nguyễn Văn Đường. Hộ ông Nguyễn Văn Đường có Hộ khẩu tại địa phương; trực tiếp sản xuất nông nghiệp; có nguồn thu nhập ổn định từ việc sản xuất nông nghiệp trên đất đỏ. Bà Thi Thị Em (vợ ông: Nguyễn Văn Đường) không thuộc các đối tượng nêu tại điểm a,b,c,d Khoản 1, Điều 22 NĐ 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024. Tại thời điểm kiểm đếm có 01 phần trồng mè và 01 phần đất trồng do đã thu hoạch xong, vụ mùa trước trồng cây bắp - Đối chiếu BĐ 64/CP: Thửa 3/3, tờ BĐ 09, DT 2.064,0m² loại ĐM do Nguyễn Văn Đường kê khai Hiện trạng: Mè DT 200,0m²; Đất trồng DT 400,5m² Hội đồng xác định DTTH 600,5m² nằm trong GCN QSDĐ	QĐ số 86/2025/QĐ-UBND) theo giá đất 140.000đ/m² cho DT: 600,5m². - Bồi thường cây cối hoa màu theo Quyết định số 81/2026/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của UBND TP Đà Nẵng		
12.	UBND xã Nguyễn Thọ (sản xuất) CCCD: 048155003568	69 HPu	302,0 1/302	290,4 = 260,2 + HTKT 30,2	11,6	- Bản xác nhận nguồn gốc nhà, đất được UBND xã Hòa Vang xác nhận ngày 4/7/2026, nội dung: Đối chiếu BĐ 64/CP phần DTTH 290,4m², trong đó: 01 phần thuộc thửa 16, tờ BĐ 09, loại đất hoang/b + 01 phần thuộc thửa 1, tờ BĐ 9 loại đất Sông do UBND xã quản lý (Không thuộc đất công ích). Thời điểm sử dụng đất tại thửa 16, tờ BĐ 09 là từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 1/7/2004.	- Bồi thường 100% giá đất cây hằng năm (đơn giá 102.900 đồng/m²) DT: 255,4m² - Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 16 tại QĐ số 86/2025/QĐ-UBND) theo giá đất	208.981.060	Không

						Ông Nguyễn Thọ có Hộ khẩu tại địa phương; trực tiếp sản xuất nông nghiệp; có nguồn thu nhập ổn định từ việc sản xuất nông nghiệp trên đất đỏ. Ông Nguyễn Thọ không thuộc các đối tượng nêu tại điểm a,b,c,d Khoản 1, Điều 22 NĐ 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024 - Đối chiếu BD 64/CP: 01 phần thuộc thửa 16, tờ BD 09, loại đất hoang/b + 01 phần thuộc thửa 1, tờ BD 9 loại đất Sông Hiện trạng: Bấp 290,4m² Hội đồng xác định DTTH 290,4m². Trong đó: - Diện tích 255,4m² thuộc thửa 16, tờ BD 09 - Diện tích 35,0m² thuộc thửa 1, tờ BD 09	140.000đ/m² cho DT: 255,4 m². - Không bồi thường đất DT : 35,0m² - Bồi thường cây cối hoa màu theo Quyết định số 81/2026/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của UBND TP Đà Nẵng		
13.	UBND xã Người sản xuất: Phan Lào CCCD: 048057005054 Thôn Hòa Phước, xã Hòa Vang	48 Hpu	64,5 313/25	64,5	0	- Bản xác nhận nguồn gốc nhà, đất được UBND xã Hòa Vang xác nhận ngày 15/6/2026, nội dung: Đối chiếu BD 64/CP đất có 01 phần thuộc thửa 433, tờ BD 08 của hộ ông Phan Qua loại đất thổ cư (Hiện nay thửa 433, tờ BD 08 đã cấp đổi, chuyển nhượng sang bà Biện Thị Hiền theo hiện trạng sử dụng tại hồ sơ 49, thửa 27, tờ BD 25 (121) không bao gồm phần diện tích lập tại hs này. Một phần thuộc thửa 217, 219, tờ BD 8 loại đất hoang	- Bồi thường 100% giá đất cây hằng năm (đơn giá 102.900 đồng/m²) DT: 64,5 m². - Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 16 tại QĐ số 86/2025/QĐ-UBND) theo giá đất 140.000đ/m² cho	51.787.050	Không

						do UBND xã quản lý. Thời điểm ông Phan Lào sử dụng từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 1/7/2004. Ông Phan Lào là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có Hộ khẩu tại địa phương, có nguồn thu nhập ổn định từ việc sản xuất nông nghiệp trên đất đó. Ông Phan Lào không thuộc các đối tượng nêu tại điểm a,b,c,d Khoản 1, Điều 22 NĐ 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024. Tại thời điểm kiểm đếm là đất trống do mới thu hoạch xong; mùa vụ trước trồng cây đậu phụng. - Đối chiếu BĐ 64/CP: đất có 01 phần thuộc thửa 433, tờ BĐ 08 của hộ ông Phan Qua loại đất thổ cư; Một phần thuộc thửa 217, 219, tờ BĐ 8 loại đất hoang do UBND xã quản lý. Hiện trạng: Đất trống DT 64,5m² Hội đồng xác định DTTH 64,5m². Trong đó: + 20,5m² thuộc thửa 217, 219, tờ BĐ 8 + 40,0m² thuộc thửa 433, tờ BĐ 8.	DT: 64,5m² .		
14.	UBND xã Người sản xuất: Trần Mậu CCCD: 048062000225 Thôn Hòa Phước,	77 HPu	852,5	205,5 = 113,5 + HTKT	647,0	- Bản xác nhận nguồn gốc nhà, đất được UBND xã Hòa Vang xác nhận ngày 30/7/2026, nội dung: Đối chiếu BĐ 64/CP đất thuộc thửa 16, tờ BĐ 09, loại đất Hoang do UBND xã quản lý (không thuộc đất công ích). Ông Trần Mậu là cá nhân trực tiếp sản xuất	- Bồi thường 100% giá đất cây lâu năm (đơn giá 89.190 đồng/m²) cho DT: 205,5m². - Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành	165.604.250	Không

	xã Hòa Vang			92,0		nông nghiệp; có Hộ khẩu tại địa phương; có nguồn thu nhập ổn định từ việc sản xuất nông nghiệp trên đất đó. Ông Trần Mậu không thuộc các đối tượng nêu tại điểm a,b,c,d Khoản 1, Điều 22 NĐ 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ. Thời điểm sử dụng đất từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 1/7/2004./ - Đối chiếu BĐ 64/CP: thửa 16, tờ BĐ 09, DT 16.822,0m² đất Hg.b do UBND xã quản lý. Hiện trạng: tre, gỗ tạp	nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 16 tại QĐ số 86/2025/QĐ-UBND) theo giá đất 140.000đ/m² cho DT: 205,5m² - Bồi thường 100% cây cối hoa màu, theo Quyết định 81/2026/QĐ-UBND ngày 09/6/2026		
15.	UBND xã Người sản xuất: Phan Thị Thái CCCD: 048062000225 Thôn Hòa Phước, xã Hòa Vang	81 HPu	1.324,1 45/26	336,0 = 228,1 + HTKT 107,9	988,1	- Bản xác nhận nguồn gốc nhà, đất được UBND xã Hòa Vang xác nhận ngày 12/6/2026, nội dung: Đối chiếu BĐ 64/CP đất thuộc thửa 86, tờ BĐ 10, loại đất hoang do UBND xã quản lý (không thuộc đất công ích). Thời điểm sử dụng sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 1/7/2004. Bà Phan Thị Thái là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có Hộ khẩu tại địa phương, có nguồn thu nhập ổn định từ việc sản xuất nông nghiệp trên đất đó. Bà Phan Thị Thái không thuộc các đối tượng nêu tại điểm a,b,c,d Khoản 1, Điều 22 NĐ 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ.. - Đối chiếu BĐ 64/CP: thửa 86, tờ BĐ 10, DT 10.954,0m² đất Hg.b do UBND xã quản lý. Hiện trạng: Tre	- Bồi thường 100% giá đất cây lâu năm (đơn giá 89.190 đồng/m²) cho DT: 336,0m². - Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 16 tại QĐ số 86/2025/QĐ-UBND) theo giá đất 140.000đ/m² cho DT: 336,0m² - Bồi thường 100% cây cối hoa màu, theo Quyết định 81/2026/QĐ-UBND ngày 09/6/2026	273.316.740	Không

16.	UBND xã Người sản xuất: Phạm Tiệm CCCD: 048065005103 Thôn Hòa Phước, xã Hòa Vang	82 HPu	1.617,2 34/122 (26)	325,5 = 228,3 + HTKT 97,2	1.291,7	- Bản xác nhận nguồn gốc nhà, đất được UBND xã Hòa Vang xác nhận ngày 12/6/2026, nội dung: Đối chiếu BĐ 64/CP một phần thửa đất 86, tờ BĐ 10, loại đất hoang do UBND xã quản lý (không thuộc đất công ích) + 01 phần thửa 36, tờ BĐ 10, loại đất rừng trồng gỗ do UBND xã quản lý (thuộc đất công ích); một phần thửa đất bờ thửa. Thời điểm sử dụng sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 1/7/2004. Ông Phạm Tiệm là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có Hộ khẩu tại địa phương, có nguồn thu nhập ổn định từ việc sản xuất nông nghiệp trên đất đó. Ông Phạm Tiệm không thuộc các đối tượng nêu tại điểm a,b,c,d Khoản 1, Điều 22 NĐ 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024. - Đối chiếu BĐ 64/CP: Một phần thửa đất 86, tờ BĐ 10, loại đất hoang do UBND xã quản lý (không thuộc đất công ích); Một phần thửa đất bờ thửa; thuộc 01 phần thửa 36, tờ BĐ 10, loại đất rừng trồng gỗ do UBND xã quản lý (thuộc đất công ích); Hiện trạng: Mùn nước DT 65,0m² + tre, chuối/ 51,1m² Hội đồng xác định DTTH 325,5m ² . Trong đó: + 116,1m ² thuộc thửa đất 86, tờ BĐ 10 + 191,3m ² thuộc thửa 36 tờ BĐ 10 + 18,1m ² thuộc đất, bờ thửa.	- Bồi thường 100% giá đất cây hằng năm (đơn giá 102.900 đồng/m ²) DT: 65,0m² - Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 16 tại QĐ số 86/2025/QĐ-UBND) theo giá đất 140.000đ/m ² DT: 65,0 m² - Bồi thường 100% giá đất cây lâu năm (đơn giá 89.190 đồng/m ²) cho DT: 51,1m² - Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 16 tại QĐ số 86/2025/QĐ-UBND) theo giá đất 140.000đ/m ² cho DT: 51,1m² - Không bồi thường về đất cho DT: 209,4m² - Bồi thường 100% cây cối hoa màu, theo Quyết định 81/2026/QĐ-UBND ngày 09/6/2026	99.574.790	Không
-----	--	--------	---------------------------	---	---------	---	---	------------	-------

II. CÁC NỘI DUNG KHÁC

1. Nguồn kinh phí chi trả: Vốn chi trả từ dự án.
2. Các nội dung khác có liên quan (nếu có): Không./.